

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Quang Dũng

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Ông Vũ Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc HNGĐ sơ thẩm thụ lý số 405/2024/TLST-VHNGĐ ngày 16/10/2024 về việc: “Yêu cầu xác định cha cho con”; theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2024/QĐMPH-HNGĐ ngày 27/11/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu: Chị Tạ Thị H***, sinh năm 1974; nơi ĐKKHKT tại: Thôn 3, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội; xin vắng mặt;

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. **Anh Lê Văn Q**, sinh năm 1974 và **cháu Trịnh Hà T**, sinh ngày 24/4/2014; cùng trú tại: Thôn 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội; xin vắng mặt;

2 **Anh Trịnh Văn S**, sinh năm 1960; nơi ở hiện nay tại: Thôn D, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

**** Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và lời khai tại Tòa án - chị Tạ Thị H trình bày:*** Khoảng những năm 1993, tôi có quen biết anh Trịnh Văn S. Sau một thời gian quen biết, chúng tôi đã nảy sinh tình cảm với nhau và cùng chung sống như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) và không có con chung. Đến năm 2003, chúng tôi mong muốn có cháu để bé và cho may mắn trong

việc có con sau này nên đã nhận cháu Trịnh Thanh T1, sinh năm 2003 làm con nuôi và lấy họ Trịnh của anh S đặt tên cho cháu T1. Với mong muốn có con tự mình sinh ra và cũng là do một phần nhân duyên ông trời sắp đặt, tôi đã gặp được anh Lê Văn Q và đã nảy sinh tình cảm với anh Q. Sau thời gian quan hệ, tôi và anh Q đã có 02 con chung là cháu Trịnh D, sinh ngày 20/5/2011 và cháu Trịnh Hà T, sinh ngày 24/4/2014. Sau khi tôi làm Giấy khai sinh cho hai cháu tôi vẫn lấy họ của anh S. Sau khi tôi sinh hai cháu D, cháu T thì tình cảm của tôi và anh S nảy sinh nhiều mâu thuẫn một phần do tôi biết anh S đã có gia đình riêng ở huyện S nên năm 2014 chúng tôi chia tay nhau. Anh S về quê huyện S sinh sống từ thời gian đó cho đến nay và chúng tôi không còn liên lạc với nhau nữa. Sau khi tôi chia tay anh S một thời gian ngắn, tôi cùng với anh Lê Văn Q chính thức ở với nhau và được UBND xã T, huyện G chứng nhận tôi và anh Q là vợ chồng hợp pháp ngày 22/11/2016. Đến năm 2017, tôi và anh Q đã làm thủ tục sửa đổi Giấy khai sinh cho cháu Trịnh D thành Lê D. Nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Trịnh Hà T cũng như anh Lê Văn Q, tôi đề nghị Tòa án xác định cháu Trịnh Hà T là con đẻ của anh Lê Văn Q.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- *Anh Lê Văn Q:* Khoảng năm 2010, tôi có quen biết chị Tạ Thị H và đã nảy sinh tình cảm với chị H dẫn đến tôi và chị H có con chung là cháu Trịnh D, sinh ngày 20/5/2011 và cháu Trịnh Hà T, sinh ngày 24/4/2014. Sau thời gian đó, tôi hay đi làm thuê ở các nơi không cố định một chỗ nên không có điều kiện thường xuyên thăm gặp chị H nhiều. Vì thời gian này, chị H vẫn sống chung cùng với anh Trịnh Văn S nên cháu Trịnh D và cháu Trịnh Hà T phải mang họ của anh S. Sau này tôi được biết, anh S không chung sống với chị H nữa nên ngày 22/11/2016, tôi và chị Tạ Thị H đã chính thức đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, huyện G, thành phố Hà Nội và sống với nhau từ thời gian đó cho đến nay. Đến năm 2017, tôi đã làm thủ tục cải chính Giấy khai sinh cho cháu Trịnh D thành Lê D và đã được UBND xã T, huyện G chứng nhận ngày 11/12/2017. Sau khi làm xong thủ tục cải chính cho cháu D, do hoàn cảnh điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn tôi phải đi làm ăn xa không thường xuyên về nhà để làm thủ tục xác nhận cha - con với cháu Trịnh Hà T. Nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Trịnh Hà T, tôi đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con (tôi là bố đẻ của cháu Trịnh Hà T, sinh ngày 24/4/2014) của chị Tạ Thị H.

- *Anh Trịnh Văn S:* Vào khoảng những năm 1993, tôi có quen biết chị Tạ Thị H và sau này chúng tôi đã nảy sinh tình cảm với nhau và sống chung với nhau như vợ chồng. Trong thời gian chung sống với chị H, tôi vẫn giấu chị H việc tôi đã lập gia đình. Tôi và chị H chung sống với nhau được hơn 10 năm nhưng không có con chung. Đến năm 2003, tôi và chị H thống nhất nhận nuôi

cháu Trịnh Thanh T1 và lấy họ Trịnh đặt tên khai sinh cho cháu T1 với mong muốn có nhiều may mắn để chúng tôi có thể sinh được con. Tuy nhiên, đến năm 2011, chị H sinh được cháu Trịnh D và năm 2014, sinh được cháu Trịnh Hà T. Hai cháu đều mang họ của tôi nhưng thực tế là con của chị H với người khác. Sau này, giữa tôi và chị H có nhiều bất đồng quan điểm sống nên tôi đã về huyện S sinh sống từ năm 2014 cho đến nay. Nay, chị H có đơn yêu cầu Tòa án xác nhận cha cho con tại Tòa án nhân dân huyện G, tôi yêu cầu chị H phải có trách nhiệm bồi thường cho tôi 3 tỷ đồng. Vì tôi đã bỏ rất nhiều công sức tôn tạo đối với khối tài sản chung là nơi chị H đang sinh sống. Nếu chị H không bồi thường cho tôi số tiền trên thì tôi không ký và không nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Đối với yêu cầu xác nhận cha cho con của chị H, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bản Kết luận giám định AND số: 252/251/KLGĐADN-PYHN ngày 11/11/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế thành phố Hà Nội kết luận: Lê Văn Q có quan hệ huyết thống bố - con với Trịnh Hà T, độ tin cậy 99,9999%.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị căn cứ các Điều 88, 101, 102 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 14 Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư Pháp quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015 ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Tạ Thị H: Xác định anh Lê Văn Q là cha đẻ của cháu Trịnh Hà T.

2. Về lệ phí: Đề nghị miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự cho chị Tạ Thị H theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để giải quyết về lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Tòa án nhân dân huyện G nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Tạ Thị H là người có đơn yêu cầu xác định cha cho con. Đây là việc Hôn nhân gia đình về việc: Yêu cầu xác định cha cho con theo quy định tại khoản 10 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị Tạ Thị H có địa chỉ tại: Thôn 3, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện G thụ lý, giải quyết sơ thẩm việc Hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Chị Tạ Thị H và anh Trịnh Văn S chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn từ năm 1993 đến năm 2014. Trong quá trình chung sống với anh S, chị H có phát sinh quan hệ với anh Lê Văn Q và sinh được cháu Trịnh Hà T, sinh ngày 24/4/2014. Chị H đã làm thủ tục khai sinh cho cháu T mang họ của anh S. Chị H và anh Q xác nhận cháu T là con chung của anh chị. Anh S xác nhận cháu T không phải là con của anh.

[2.2]. Theo Kết luận giám định AND số: 252/251/KLGĐADN-PYHN ngày 11/11/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế thành phố Hà Nội kết luận: Lê Văn Q có quan hệ huyết thống bố - con với Trịnh Hà T, độ tin cậy 99,9999%.

[2.3]. Như vậy, Tòa án có đủ cơ sở xác định: Cháu Trịnh Hà T, sinh ngày 24/4/2014 là con đẻ của anh Lê Văn Q. Do đó, chị Tạ Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G xác định anh Lê Văn Q là cha đẻ của cháu Trịnh Hà T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên được chấp nhận.

[3]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp là phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Thị H được miễn nộp lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; các Điều 367, 370, 371 và 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 88; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình về việc: “Yêu cầu xác định cha cho con” của chị Tạ Thị H.

2. Xác định anh Lê Văn Q, sinh năm 1974; quê quán: Xã L, huyện K, Ninh Bình; nơi thường trú hiện nay: Thôn 2, xã T, huyện G, thành phố Hà Nội; số CCCD: 037074009xxx cấp ngày 09/5/2021 tại Cục Cảnh sát đăng ký quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an là cha đẻ của cháu Trịnh Hà T, sinh ngày 24/4/2014, theo Giấy khai sinh số 41, quyền số 2014 do UBND xã T cấp ngày 12/5/2014.

3. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Tạ Thị H. Hoàn trả chị Tạ Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004473 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T, huyện G, TP.Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Vũ Quang Dũng